

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2019 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

Phần I

TỔNG QUAN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai CCHC hằng năm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp sở và cấp huyện) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020.

b) Đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ CCHC bằng định lượng; trên cơ sở đó so sánh, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC hằng năm giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Thông qua Chỉ số CCHC xác định rõ mặt mạnh, mặt yếu trong thực hiện CCHC, giúp cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có những điều chỉnh cần thiết về mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện CCHC hằng năm, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

2. Yêu cầu:

a) Chỉ số CCHC bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 ban hành tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ và Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh.

b) Việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC theo chu kỳ năm ở các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Tăng cường sự tham gia của các cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi và đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

II. CẤU TRÚC CHỈ SỐ CCHC

1. Chỉ số CCHC cấp sở:

Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành được xác định trên 07 lĩnh vực, tương ứng với 07 chỉ số thành phần, được cấu trúc thành 2 nhóm, cụ thể là:

a) Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện CCHC của sở, ban, ngành, gồm 07 lĩnh vực, 28 tiêu chí và 53 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí, 07 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại các sở, ban, ngành: 04 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 03 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên (CBCCVC): 04 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 02 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.
- Hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.

b) Nhóm II: Đánh giá tác động của CCHC, gồm 26 tiêu chí, được phân loại theo 06 nội dung tác động của CCHC, cụ thể là:

- Tác động đến thể chế, cơ chế chính sách thuộc phạm vi quản lý: 06 tiêu chí.
- Tác động đến tình hình giải quyết TTHC: 04 tiêu chí.
- Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 03 tiêu chí.
- Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức: 05 tiêu chí.
- Tác động đến quản lý tài chính công: 03 tiêu chí.
- Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 05 tiêu chí.

2. Chỉ số CCHC cấp huyện:

Chỉ số CCHC của UBND các huyện, thị xã, thành phố được xác định trên 07 lĩnh vực, tương ứng với 07 chỉ số thành phần, được cấu trúc thành 2 nhóm, cụ thể:

a) Nhóm I: Đánh giá kết quả thực hiện CCHC, gồm 7 lĩnh vực, 32 tiêu chí, 61 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 07 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL: 05 tiêu chí và 03 tiêu chí thành phần.
- Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 04 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: 05 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần.

- Cải cách tài chính công: 02 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần.

- Hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.

b) Nhóm II: Đánh giá tác động của CCHC, gồm 22 tiêu chí, được phân loại theo 6 nội dung tác động của CCHC, cụ thể là:

- Tác động đến thể chế thuộc phạm vi quản lý cửa huyện: 04 tiêu chí.

- Tác động đến tình hình giải quyết TTHC: 04 tiêu chí.

- Tác động đến tổ chức bộ máy hành chính: 03 tiêu chí.

- Tác động đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC: 04 tiêu chí.

- Tác động đến quản lý tài chính công: 03 tiêu chí.

- Tác động đến hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí.



Cấu trúc Chỉ số CCHC

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC

1. Đối tượng:

a) Ở cấp sở: Có 18 sở, ban, ngành báo cáo Chỉ số CCHC năm 2019.

b) Ở cấp huyện: 15/15 huyện, thị xã, thành phố báo cáo Chỉ số CCHC năm 2019.

2. Phương pháp:

Chỉ số CCHC được xác định kết hợp giữa điểm thẩm định thông qua tài liệu kiểm chứng và điểm đánh giá thông qua điều tra xã hội học.

a) Tự đánh giá: Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC ban hành tại Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

b) Tổ thẩm định (được Sở Nội vụ thành lập, với thành phần công chức của Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan tham gia) xem xét điểm tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2019 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và tài liệu kiểm chứng.

c) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học (XHH):

Số tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra XHH đối với Chỉ số CCHC cấp sở là 26, Chỉ số CCHC cấp huyện là 22. Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên được giao nhiệm vụ xây dựng Bộ câu hỏi điều tra XHH với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện.

Việc điều tra XHH được tiến hành thông qua khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau; Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện việc điều tra XHH được tiến hành với các nhóm đối tượng: Thường trực và trưởng các ban của HĐND huyện, thị xã, thành phố; đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố; đại diện lãnh đạo tất cả các UBND cấp xã, phường, thị trấn; người dân có sử dụng dịch vụ hành chính công năm 2019 đánh giá về CCHC cơ quan, địa phương cung cấp dịch vụ; doanh nghiệp hoặc tổ chức có sử dụng dịch vụ hành chính công hoặc phối hợp công tác trong năm 2019 đánh giá về CCHC cơ quan, địa phương cung cấp dịch vụ; công chức tự đánh giá đối với CCHC của cơ quan, địa phương mình công tác.

3. Thang điểm đánh giá Chỉ số CCHC:

a) Đối với cấp sở, thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá của các sở, ban, ngành (có sự thẩm định của Tổ thẩm định): 75/100.

- Điểm đánh giá qua điều tra XHH là: 25/100.

b) Đối với cấp huyện, thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá của UBND các huyện, thị xã, thành phố (có sự thẩm định của Tổ thẩm định): 80/100.

- Điểm đánh giá qua điều tra XHH là: 20/100.

IV. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ngay từ đầu năm 2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2019. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã khẩn trương

triển khai thực hiện và hoàn thành báo cáo kết quả triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2019 với các nội dung sau:

1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm và thẩm định:

Thực hiện Quyết định số 3512/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành báo cáo kết quả theo dõi, tự chấm điểm, đánh giá công tác CCHC của cơ quan, đơn vị và gửi về Sở Nội vụ kèm theo tài liệu kiểm chứng để tổng hợp, đánh giá theo quy định.

Tổ thẩm định Chỉ số CCHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh đã tiến hành rà soát tiêu chí, tiêu chí thành phần tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2019, theo đó, thông báo cho các sở, ban, ngành và địa phương báo cáo kết quả tự chấm điểm và hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, đồng thời giải trình những tiêu chí chấm điểm chưa phù hợp nhằm đảm bảo đánh giá chính xác kết quả CCHC theo các tiêu chí đã quy định.

UBND tỉnh đã chỉ đạo thành lập Tổ thẩm định và Tổ thư ký xác định Chỉ số CCHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh, bao gồm các thành phần: Đại diện Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông. Việc tổ chức thẩm định nhằm rà soát lại kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC. Công tác rà soát, đánh giá được Tổ thẩm định thực hiện kỹ lưỡng, nghiêm túc, có trách nhiệm, tập trung vào một số nội dung sau:

a) Về chỉ đạo, điều hành công tác CCHC: Việc ban hành kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC, kế hoạch kiểm tra CCHC; kết quả thực hiện các kế hoạch và thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ theo quy định; thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm.

b) Về xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL: Xây dựng văn bản QPPL; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, công tác kiểm tra; xử lý văn bản QPPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Về cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật TTHC; công khai TTHC; công tác tiếp nhận phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; tình hình triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; kết quả giải quyết TTHC.

d) Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Tuân thủ các quy định của Chính phủ và của tỉnh về tổ chức bộ máy; tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; kết quả thực hiện về phân cấp quản lý.

e) Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương; thực hiện quy định về đánh giá, phân loại CBCCVC; mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế trong năm; công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC.

g) Về cải cách tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

h) Về hiện đại hoá hành chính: Việc xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và triển khai thực hiện; về chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tình hình áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 và TCVN ISO 9001:2015.

2. Tổ chức điều tra XHH:

Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên tổ chức việc điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2019. Tháng 03/2020, Viện Khoa học xã hội vùng Tây nguyên đã thu thập được đầy đủ kết quả điều tra XHH của 18 sở, ban, ngành và 15 huyện, thị xã, thành phố.

a) Đối tượng điều tra XHH:

- Cấp sở: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công Thương, Ban Dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh.

- Cấp huyện: Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, huyện Buôn Đôn, huyện Cư Kuin, huyện Cư M'gar, huyện Ea H'leo, huyện Ea Kar, huyện Ea Súp, huyện Krông Ana, huyện Krông Bông, huyện Krông Búk, huyện Krông Năng, huyện Krông Pắc, huyện Lắk, huyện M'Drắk.

b) Nguyên tắc đánh giá:

- *Nguyên tắc tự đánh giá*: Công chức tự đánh giá đối với CCHC của cơ quan, địa phương mình công tác.

- *Nguyên tắc đánh giá chéo*: HĐND cấp huyện đánh giá CCHC của UBND cấp huyện; đại diện lãnh đạo phòng thuộc UBND cấp huyện đánh giá CCHC các sở, ban, ngành theo ngành dọc; đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá CCHC của UBND cấp huyện.

- *Nguyên tắc đối tượng thụ hưởng đánh giá đối tượng cung cấp dịch vụ*: Người dân và đại diện doanh nghiệp hoặc tổ chức đã sử dụng dịch vụ hành chính trong năm 2019 đánh giá đối với đơn vị cung cấp dịch vụ. Một số đơn vị sở, ban,

ngành, do đặc thù lĩnh vực dịch vụ hành chính công nên không thể tiến hành lấy phiếu điều tra xã hội học đối với người dân hoặc doanh nghiệp/tổ chức.

c) Cơ cấu và số lượng mẫu:

+ Thường trực và trưởng các ban của HĐND huyện, thị xã, thành phố đánh giá CCHC đối với UBND cấp huyện đồng cấp theo mẫu M01. Số lượng phiếu 03 phiếu/HĐND huyện; tổng phiếu: 45 phiếu.

+ Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố đánh giá CCHC đối với các sở, ban, ngành theo ngành dọc. Mẫu phiếu M02. Số lượng: 12 phiếu/huyện. Tổng phiếu: 180 phiếu

+ Đại diện lãnh đạo tất cả các UBND cấp xã, phường, thị trấn: đánh giá CCHC của UBND huyện cấp trên. Mẫu phiếu M02. Số lượng: 01 phiếu/UBND xã. Tổng phiếu: 184 phiếu.

+ Người dân có sử dụng dịch vụ hành chính công năm 2019 đánh giá về CCHC cơ quan, địa phương cung cấp dịch vụ: Mẫu phiếu M04. Số phiếu: 12 phiếu/cơ quan, địa phương. Tổng phiếu: 384 phiếu.

+ Doanh nghiệp hoặc tổ chức có sử dụng dịch vụ hành chính công hoặc phối hợp công tác trong năm 2019 đánh giá về CCHC cơ quan, địa phương cung cấp dịch vụ. Số phiếu: 10 phiếu/cơ quan, địa phương (trừ Thanh tra tỉnh và Sở Ngoại vụ không có doanh nghiệp tổ chức sử dụng dịch vụ hành chính công năm 2019). Tổng số phiếu: 310 phiếu.

+ Công chức tự đánh giá đối với CCHC của cơ quan, địa phương mình công tác. Số lượng phiếu: 06 phiếu/cơ quan, địa phương. Tổng phiếu: 198 phiếu.

Tổng phiếu: 1.301. Trong đó:

- Cơ cấu phiếu theo đối tượng trả lời:

+ Phiếu của người dân, doanh nghiệp là: 607 phiếu.

+ Phiếu công chức, người trong bộ máy hành chính: 694 phiếu.

- Cơ cấu phiếu theo đối tượng được điều tra:

+ Phiếu đánh giá UBND cấp huyện: 649 phiếu.

+ Phiếu đánh giá Sở, ban, ngành: 652.

d) Kết quả điều tra xã hội học

- Đối với cấp sở: Tổng điểm điều tra xã hội học của các sở trong khoảng từ 19 - 23 điểm trong thang điểm 25; trong đó 8/18 sở có điểm trong khoảng 21 - 22. Chênh lệch điểm số giữa đơn vị có điểm cao nhất (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với 23,01 điểm) và đơn vị có điểm thấp nhất (Ban Dân tộc tỉnh với 19,74 điểm) là 3,27 điểm. Điểm điều tra XHH của các sở sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp như sau:

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra XHH	Thứ hạng
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23,01	1
2	Sở Tư pháp	22,69	2
3	Sở Nội vụ	22,65	3
4	Sở Tài chính	22,64	4
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	22,35	5
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	22,03	6
7	Sở Thông tin và Truyền thông	21,97	7
8	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	21,95	8
9	Thanh tra tỉnh	21,53	9
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	21,51	10
11	Sở Khoa học và Công nghệ	21,49	11
12	Sở Giao thông vận tải	21,49	12
13	Sở Xây dựng	21,47	13
14	Sở Ngoại vụ	21,30	14
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	20,79	15
16	Sở Y tế	20,23	16
17	Sở Công Thương	20,16	17
18	Ban Dân tộc tỉnh	19,74	18

- Đối với cấp huyện: Tổng điểm điều tra XHH của UBND các huyện, thị xã, thành phố nằm trong khoảng từ 16 – 18,42 điểm; trong đó chủ yếu tập trung mức điểm từ 16,19 – 16,95 điểm với 10/15 huyện thuộc khoảng này. Chênh lệch điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất (huyện Krông Năng với 18,46 điểm) với địa phương có điểm thấp nhất (huyện Cư Kuin với 16,17 điểm) là 2,29 điểm. Điểm điều tra XHH của UBND các huyện, thị xã, thành phố sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp như sau:

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra xã hội học	Thứ hạng
1	Huyện Krông Năng	18,47	1
2	Thành phố Buôn Ma Thuột	18,42	2
3	Huyện Ea Kar	18,17	3
4	Thị xã Buôn Hồ	17,58	4
5	Huyện Krông Ana	17,36	5
6	Huyện Krông Pắc	16,95	6
7	Huyện Cư M'gar	16,81	7
8	Huyện Ea H'leo	16,70	8
9	Huyện Krông Búk	16,66	9
10	Huyện M'Drắk	16,50	10
11	Krông Bông	16,47	11
12	Huyện Lắk	16,39	12

STT	Tên đơn vị	Điểm điều tra xã hội học	Thứ hạng
13	Huyện Ea Súp	16,38	13
14	Huyện Buôn Đôn	16,33	14
15	Huyện Cư Kuin	16,17	15

3. Xây dựng báo cáo kết quả chỉ số CCHC:

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Tổ thẩm định và kết quả điểm điều tra XHH, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng hợp xác định Chỉ số CCHC năm 2019, báo cáo tập trung phân tích kết quả chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đối với từng sở, ban, ngành; huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, có những phân tích, so sánh với kết quả xác định Chỉ số CCHC các năm 2014, 2015, 2016, 2017 và 2018.

Phần II

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

1. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2019 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Đơn vị	Điểm thẩm định	Điều tra XHH	Tổng điểm (tối đa 100 điểm)
1	Sở Tư pháp	68,71	22,69	91,40
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	68,28	23,01	91,29
3	Sở Nội vụ	68,58	22,65	91,23
4	Thanh tra tỉnh	69,44	21,53	90,97
5	Sở Tài chính	67,34	22,64	89,98
6	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	68,01	21,95	89,96
7	Sở Thông tin và Truyền thông	67,93	21,97	89,90
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	66,95	22,03	88,98
9	Sở Ngoại vụ	67,15	21,30	88,45
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	66,54	20,79	87,33
11	Sở Giao thông vận tải	65,44	21,49	86,93
12	Sở Khoa học và Công nghệ	65,20	21,49	86,69
13	Sở Xây dựng	63,42	21,47	84,89

STT	Đơn vị	Điểm thẩm định	Điều tra XHH	Tổng điểm (tối đa 100 điểm)
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61,98	22,35	84,33
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	62,70	21,51	84,21
16	Ban Dân tộc tỉnh	62,45	19,74	82,19
17	Sở Công Thương	61,83	20,16	81,99
18	Sở Y tế	60,94	20,23	81,17

2. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

STT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thẩm định	Điều tra XHH	Tổng điểm (tối đa 100 điểm)
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	74,67	18,42	93,09
2	Huyện Krông Năng	73,58	18,47	92,05
3	Huyện Ea H'leo	72,64	16,70	89,34
4	Thị xã Buôn Hồ	67,77	17,58	85,35
5	Huyện Krông Ana	67,80	17,36	85,16
6	Huyện Cư M'gar	68,15	16,81	84,96
7	Huyện Krông Búk	64,40	16,66	81,06
8	Huyện M'Drăk	64,14	16,50	80,64
9	Huyện Ea Súp	63,90	16,38	80,28
10	Huyện Krông Bông	63,37	16,47	79,84
11	Huyện Ea Kar	58,50	18,17	76,67
12	Huyện Krông Pắc	58,61	16,95	75,56
13	Huyện Cư Kuin	58,51	16,17	74,68
14	Huyện Lắk	55,55	16,39	71,94
15	Huyện Buôn Đôn	54,93	16,33	71,26

Phần III

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung:

Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2019 có nhiều thuận lợi, do các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều kinh nghiệm triển khai qua các năm 2014, 2015, 2016, 2017 và năm 2018, đặc biệt là nhận thức về tầm quan trọng của việc đánh giá của Chỉ số CCHC trong quản lý hành chính đã được nâng lên.

Về tổng thể, Chỉ số CCHC năm 2019 cho thấy số điểm đạt được của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có xu hướng được cải thiện và tương đối cao so với các năm trước (2014, 2015, 2016, 2017 và 2018). Đối với nhóm dẫn đầu, các chỉ số thành phần đều đạt kết quả ở mức khá cao và đồng đều, trong khi đó ở nhóm cuối bảng xếp hạng, các chỉ số thành phần của những đơn vị này thường không cao và có sự chênh lệch về kết quả đạt được của các chỉ số thành phần trong từng đơn vị; đồng thời, cũng cho thấy một số sở, ban, ngành có kết quả giảm điểm so với kết quả năm 2018.

a) Đối với các sở, ban, ngành:

Năm 2019, là năm đầu tiên Sở Tư pháp đạt Chỉ số tổng hợp trên 91%, số đơn vị có kết quả trên 80% và dưới 91% là 17 đơn vị. Điểm số Chỉ số CCHC năm 2019 của 5 đơn vị đứng đầu (Sở Tư pháp: **91,40**; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: **91,29**; Sở Nội vụ: **91,23**; Thanh tra tỉnh: **90,97**; Sở Tài chính: **89,98**) và 5 đơn vị đứng cuối (Sở Kế hoạch và Đầu tư: **84,33**; Sở Giáo dục và Đào tạo: **84,21**; Ban Dân tộc tỉnh: **82,19**; Sở Công Thương: **81,99**; Sở Y tế: **81,17**). Đối với nhóm dẫn đầu, các chỉ số thành phần đều đạt kết quả ở mức cao và đồng đều, còn ở nhóm cuối bảng xếp hạng các chỉ số thành phần của những đơn vị này thường thấp hơn, có chỉ số chỉ đạt mức trung bình và có sự chênh lệch nhỏ về kết quả đạt được của các chỉ số thành phần trong từng đơn vị. Chỉ số thành phần về ISO có sự đồng đều giữa các đơn vị (đều đạt tỷ lệ chỉ số 100%). Chỉ số thành phần về Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan, đơn vị có nhiều chuyển biến, cải thiện rõ nét so với các năm trước đây. Đây là một tín hiệu tích cực và cần quan tâm hơn nữa nhằm đẩy mạnh nền hành chính hiện đại, phát huy hiệu lực, hiệu quả CNTT phục vụ nhân dân, phát triển kinh tế- xã hội.

Tuy nhiên, lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL ở mức thấp rơi vào nhóm các đơn vị đứng cuối như: Sở Kế hoạch và Đầu tư (47%), Sở Công Thương (68%), Ban Dân tộc tỉnh (73%). Đây là điểm cần có sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác này trong thời gian tới.

b) Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Đây là năm thứ ba thành phố Buôn Ma Thuột là địa phương đạt Chỉ số CCHC trên 93% và 14 địa phương còn lại đạt chỉ số từ 71% đến dưới 93%, không có địa phương nào có Chỉ số CCHC dưới 50%. Chỉ số CCHC tăng ở hầu hết các địa phương, nhưng chỉ số thành phần Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản

QPPL mức thấp (huyện Krông Pắc đạt 50%, huyện Ea Kar đạt 50%, huyện Buôn Đôn đạt 45%, huyện Krông Búk chỉ đạt 40%). Điều đó cho thấy công tác Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL chưa thực sự được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng được tốc độ cải cách của các nội dung CCHC còn lại. Đây là một tín hiệu không tốt đối với công tác CCHC cấp huyện, cũng là một cảnh báo để các địa phương và tỉnh có hướng khắc phục, giải pháp thực hiện và cải thiện trong thời gian tới.

2. Những kết quả đạt được:

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành nghiêm túc trong công tác tự đánh giá, chấm điểm và gửi kết quả về Sở Nội vụ. Tổ thẩm định Chỉ số CCHC năm 2019 tiến hành thẩm định, rà soát, đánh giá và chấm điểm nghiêm túc, khách quan, chính xác. Việc chấm điểm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng và quá trình theo dõi của cơ quan chuyên môn đảm bảo độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các thành viên trong tổ và đã đánh giá kết quả chỉ số một cách khách quan, công bằng.

Công tác điều tra XHH để lấy ý kiến của các nhóm đối tượng khác nhau về kết quả CCHC của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC năm 2019 được tổ chức thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định, đảm bảo thời gian và tỷ lệ thu hồi phiếu cao.

3. Những tồn tại, hạn chế:

a) Một số cơ quan, đơn vị và địa phương vẫn chưa thực sự quan tâm, kịp thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung CCHC. Chỉ số CCHC vẫn chưa được coi là công cụ quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực, do vậy việc cải thiện những điểm còn hạn chế, yếu kém chưa cao. Một số đơn vị tự đánh giá chấm điểm thiếu chính xác nên sau khi rà soát, thẩm định đã có sự chênh lệch lớn giữa điểm tự chấm và điểm đánh giá của Tổ thẩm định.

b) Một số cơ quan, đơn vị và địa phương chưa quan tâm chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và thiếu các tài liệu kiểm chứng, cá biệt có trường hợp đơn vị không cung cấp tài liệu kiểm chứng dưới dạng văn bản điện tử gây khó khăn cho Tổ thẩm định trong quá trình làm việc. Do đó, Sở Nội vụ phải yêu cầu bổ sung tài liệu nhiều lần ảnh hưởng đến tiến độ.

c) Về việc cung cấp, bổ sung tài liệu kiểm chứng chưa đúng theo văn bản hướng dẫn chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2019 gây khó khăn cho công tác thẩm định, đánh giá. Dẫn đến kết quả đánh giá tiêu chí, tiêu chí thành phần của một số cơ quan, đơn vị rất thấp so với điểm tối đa (lĩnh vực Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL).

II. NHỮNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2019 của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định Chỉ số CCHC các năm tiếp theo được tốt hơn, phát huy vai trò tích

cực của Chỉ số CCHC trong quản lý Nhà nước; UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm một số nội dung sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện CCHC theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch CCHC Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 13/2/2012 của UBND tỉnh ban hành Chương trình CCHC Nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011 - 2020, Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC Nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2020.

2. Tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2020 trên địa bàn tỉnh; phổ biến, tuyên truyền công tác CCHC trên địa bàn tỉnh về kết quả Chỉ số CCHC năm 2019 trong phạm vi đơn vị mình để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ CBCCVC trong thực hiện CCHC và xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2019 đạt được để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng CCHC. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết để phát huy những tiêu chí có điểm số cao, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những tiêu chí đạt điểm thấp trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm, nhằm duy trì, cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị.

3. Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm để kết quả Chỉ số CCHC được xác định chính xác, khách quan và được công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất hơn, cung cấp tài liệu kiểm chứng đầy đủ và giải trình phù hợp, có cơ sở, tránh nặng về thành tích, để kết quả điểm chính xác, sát với tình hình triển khai thực tế. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị những vấn đề chưa hợp lý về nội dung các tiêu chí đánh giá, phương pháp xác định Chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

4. Thường xuyên chỉ đạo, tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ về CCHC theo quy định, đồng thời thực hiện nhiệm vụ trọng tâm theo chủ đề CCHC năm 2020 là: ***"Năm hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước"***; tiếp tục đẩy mạnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, triển khai xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, chú trọng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

5. Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện xây dựng Chính quyền điện tử, tăng cường sử dụng hiệu quả hệ thống iGate, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa

bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 29/4/2020; đồng thời, duy trì và nhân rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001:2015.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền, để mọi CBCCVC và người dân nhận thức và ý thức được vai trò, trách nhiệm và tầm quan trọng, yêu cầu cấp thiết, xu hướng tất yếu của CCHC trong việc phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng xã hội hiện đại văn minh. Đáp ứng được sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, giải pháp, cách làm mới, cách làm hay trong CCHC để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhằm mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố hàng năm triển khai Chỉ số CCHC các xã, phường, thị trấn đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong theo dõi, đánh giá CCHC tại địa phương.

9. Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm và trung thực việc xin lỗi bằng văn bản trong trường hợp giải quyết TTHC quá hạn theo Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. Yêu cầu phải báo cáo cụ thể nguyên nhân giải quyết quá hạn đối với từng trường hợp.

10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng, hiệu quả, công khai và minh bạch.

11. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước nhằm đưa cả hệ thống chính trị hướng đến một nền hành chính vì dân phục vụ.

12. Bám sát trọng tâm CCHC năm 2020 là “Năm hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước” trong xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ, xây dựng nền hành chính vì dân phục vụ.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2019 của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. //

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CCHC của tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (D 15).



Phạm Ngọc Nghị